

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 12-3-2021.

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hoài Hiêm;

2. Ông Ngô Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1976;

Hộ khẩu thường trú: Ấp PG, xã PB, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Ấp XM, xã TP, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Văn K, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp PG, xã PB, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Chị và anh K chung sống với nhau vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới. Năm 2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL (nay là xã PB). Vợ chồng có cuộc sống tự lập. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K không lo kinh tế gia đình, chị mất lòng tin với anh K về tình cảm. Ngày 23-10-2020 âm lịch chị dọn về nhà cha, mẹ chị sống và vợ chồng tự sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung: Trương Thị Cẩm Th, sinh ngày 25-10-1995 và Trương Thị Cẩm T, sinh ngày 02-4-1999. Khi ly hôn, chị không yêu cầu Tòa giải quyết việc nuôi dưỡng con chung vì các con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trương Văn K trình bày:

Nhận thấy, anh K thừa nhận lời trình bày của chị P về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do chị P ghen tuông. Vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 11-2020 đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn chị P.

Về con chung: Khi ly hôn, anh không yêu cầu Tòa giải quyết việc nuôi dưỡng con chung vì các con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim P yêu cầu được ly hôn anh Trương Văn K.

Về con chung: Cháu Trương Thị Cẩm Th, sinh ngày 25-10-1995 và Trương Thị Cẩm T, sinh ngày 02-4-1999 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Trương Văn K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh K chung sống với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Lưu (nay là xã PB) vào năm 2002. Do đó, hôn nhân của chị P và anh K là hợp pháp. Vợ chồng thường

xuân xảy ra mâu thuẫn và tự sống ly thân từ tháng 11-2020 đến nay. Nay chị P yêu cầu ly hôn và anh K cũng đồng ý ly hôn. Qua đó, có căn cứ xác định hôn nhân của chị P và anh K lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do anh K vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị P và anh K. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị P được ly hôn anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Trương Thị Cẩm Th, sinh ngày 25-10-1995 và Trương Thị Cẩm T, sinh ngày 02-4-1999 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh K không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim P đối với anh Trương Văn K.

Chị Nguyễn Thị Kim P được ly hôn anh Trương Văn K.

2. Về con chung: Cháu Trương Thị Cẩm Thúy, sinh ngày 25-10-1995 và cháu Trương Thị Cẩm Tú, sinh ngày 02-4-1999 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015057 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi

hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị P biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã PB.
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Ngọc Dũng

